

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 395/TB-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2014

THÔNG BÁO
V/v giá bán buôn tối đa và giá đăng ký

Thực hiện Quyết định số 1079/QĐ-BTC ngày 20/5/2014 của Bộ Tài chính về áp dụng biện pháp bình ổn giá đối với sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi và Công văn số 6544/BTC-QLG ngày 20/5/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện biện pháp bình ổn giá đối với sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;

Bộ Tài chính thông báo mức giá bán buôn tối đa và giá đăng ký đối với sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi của các công ty thực hiện đăng ký giá tại Bộ Tài chính. Mức giá bán buôn tối đa và giá đăng ký có hiệu lực thực hiện từ ngày 11/6/2014 (Phụ lục kèm theo).

Bộ Tài chính thông báo để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biết và thực hiện./. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, QLG. (30)

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ GIÁ



[Signature]
Nguyễn Anh Tuấn

**BẢNG GIÁ BÁN BUÔN TỐI ĐA VÀ GIÁ ĐĂNG KÝ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM SỮA
DÀNH CHO TRẺ EM DƯỚI 06 TUỔI CỦA CÔNG TY TNHH NESTLE VIỆT NAM**
(Kèm theo Thông báo số 395/TB-BTC ngày 10/6/2014 của Bộ Tài chính
về giá bán buôn tối đa và giá đăng ký)

ĐVT: Đồng/hộp

STT	Tên sản phẩm sữa	Trọng lượng	Đơn vị tính	Giá bán buôn tối đa (đã bao gồm VAT)	Giá đăng ký bán buôn (Đã bao gồm VAT)	
					Bán ra thị trường	Bán cho bệnh viện
1	NAN Pro 3 LEB047 Tin VN	900 g	Hộp thiếc	334.000	334.000	
2	NAN 2 BL InfMPwdr LEB011A-2 VN	800 g	Hộp thiếc	328.000	328.000	
3	NAN 1 BL NWB019-4-S VN	800 g	Hộp thiếc	323.000	323.000	
4	LACTOGEN 3 LCOMFORTISGoldLEB105	900 g	Hộp thiếc	226.000	226.000	
5	NAN 2 BLInfMPwdr LEB011A-2 N5 VN	400 g	Hộp thiếc	183.000	183.000	
6	NAN PRO 1 BL NWB019-4-S VN	400g	Hộp thiếc	182.903	182.903	164.612
7	NAN Kid 4 LNFB003 Tin VN	900g	Hộp thiếc	324.166	324.166	
8	PRE NAN B NW026-1 S VN	400g	Hộp thiếc	199.884	199.884	179.896
9	NAN AL 110 DS082-4 VN	400g	Hộp thiếc	162.041	162.041	145.837
10	NAN PELARGON BL NWKB003 N5 VN	400g	Hộp thiếc	189.488	189.488	170.539
11	NAN HA NWHB222 VN	900g	Hộp thiếc	229.975	229.975	206.978
12	LACTOGEN GOLD 1 LR NWB050-1 VN	400g	Hộp thiếc	140.452	140.452	126.407
13	LACTOGEN GOLD 1 LR NWB050-1 VN	900g	Hộp thiếc	285.573	285.573	
14	LACTOGEN 2 LR Gold LEB065 VN	900g	Hộp thiếc	258.566	258.566	
15	LACTOGEN 4 LR Gold LNFB001 Tin VN	900g	Hộp thiếc	237.727	237.727	
16	LACTOGEN 1 Complete Tin VN	400g	Hộp thiếc	85.688	85.688	77.120
17	LACTOGEN 2 Complete Tin VN	900g	Hộp thiếc	163.625	163.625	
18	LACTOGEN COMPLETE 3 LE100-1 VN	900g	Hộp thiếc	159.791	159.791	

**BẢNG GIÁ BÁN BUÔN TỐI ĐA VÀ GIÁ ĐĂNG KÝ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM SỮA DÀNH CHO TRẺ
EM DƯỚI 06 TUỔI CỦA CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG 3A VIỆT NAM**

(Kèm theo Thông báo số 395/TB-BTC ngày 10/6/2014 của Bộ Tài chính về giá bán buôn tối đa và giá đăng ký)
DVT: đồng/hộp

STT	Tên sản phẩm sữa	Trọng lượng	Đơn vị tính	Giá bán buôn tối đa (đã bao gồm VAT)	Giá đăng ký bán buôn (đã bao gồm VAT)
1	Abbott Grow 3	900g	Hộp thiếc	258.000	258.000
2	Similac GainPlus IQ (với Intelli-Pro)	900g	Hộp thiếc	405.000	405.000
3	Similac GainPlus IQ (với Intelli-Pro)	1,7kg	Hộp thiếc	692.000	692.000
4	Grow G- power hương vani	900g	Hộp thiếc	360.000	360.000
5	Grow G- power hương vani	1,7kg	Hộp thiếc	610.000	610.000
6	Abbott Grow 1	400g	Hộp thiếc	148.000	148.000
7	Abbott Grow 1	900g	Hộp thiếc	308.000	308.000
8	Abbott Grow 2	400g	Hộp thiếc	145.000	145.000
9	Abbott Grow 2	900g	Hộp thiếc	293.000	293.000
10	Abbott Grow 3	400g	Hộp thiếc	127.000	127.000
11	Abbott Grow 4 (với DHA)	400g	Hộp thiếc	141.000	141.000
12	Abbott Grow 4 (với DHA)	900g	Hộp thiếc	295.000	295.000
13	Abbott Grow 4 (với DHA)	1,7kg	Hộp thiếc	511.000	511.000
14	Similac Newborn IQ (với Intelli-Pro)	400g	Hộp thiếc	247.000	247.000
15	Similac Newborn IQ (với Intelli-Pro)	900g	Hộp thiếc	514.000	514.000
16	Similac Gain IQ (với Intelli-Pro)	400g	Hộp thiếc	242.000	242.000
17	Similac Gain IQ (với Intelli-Pro)	900g	Hộp thiếc	505.000	505.000
18	Similac GainPlus IQ (với Intelli-Pro)	400g	Hộp thiếc	199.000	199.000
19	Grow G- power hương vani	400g	Hộp thiếc	178.000	178.000
20	Similac GainKid IQ (với Intelli-Pro)	400g	Hộp thiếc	201.000	201.000
21	Similac GainKid IQ (với Intelli-Pro)	900g	Hộp thiếc	415.000	415.000
22	Similac IQ	59ml	Chai nhựa	13.000	13.000
23	Grow Advance Vanilla	115ml	Hộp giấy	8.300	8.300
24	Grow Advance Chocolate	115ml	Hộp giấy	8.300	8.300
25	Grow Advance Vanilla	180ml	Hộp giấy	14.000	14.000
26	Similac Neosure IQ	370g	Hộp thiếc	237.000	237.000
27	Similac Neosure IQ	900g	Hộp thiếc	534.000	534.000
28	Similac Neosure	59ml	Chai nhựa	11.000	11.000
29	Similac Total Comfort 1	360g	Hộp thiếc	264.000	264.000
30	Similac Gain Total Comfort	360g	Hộp thiếc	260.000	260.000
31	Similac Gain Total Comfort	820g	Hộp thiếc	562.000	562.000
32	Gain Plus Total Comfort	360g	Hộp thiếc	241.000	241.000
33	Gain Plus Total Comfort	820g	Hộp thiếc	543.000	543.000
34	Similac Special Care 24	59ml	Chai nhựa	11.000	11.000
35	Similac Special Care 30	59ml	Chai nhựa	14.000	14.000
36	Similac Special Care 24 HP	59ml	Chai nhựa	14.000	14.000
37	Similac Human Milk Fortifier	0,9g	Gói	10.000	10.000
38	Alimentum	400g	Hộp thiếc	337.000	337.000
39	Similac Spit - up Relief IQ	375g	Hộp thiếc	277.000	277.000
40	Similac Isomil IQ 1	400g	Hộp thiếc	277.000	277.000
41	Similac Isomil IQ 2	400g	Hộp thiếc	277.000	277.000
42	Similac Isomil IQ 3	400g	Hộp thiếc	250.000	250.000

BẢNG GIÁ BÁN BUÔN TỐI ĐA VÀ GIÁ ĐĂNG KÝ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM SỮA DÀNH CHO TRẺ EM DƯỚI 06 TUỔI CỦA CÔNG TY TNHH MEAD JOHNSON NUTRITION VIỆT NAM

(Kèm theo Thông báo số 395/TB-BTC ngày 10/6/2014 của Bộ Tài chính về giá bán buôn tối đa và giá đăng ký)

DVT: đồng/hộp

STT	Tên sản phẩm	Trọng lượng	Đơn vị tính	Giá bán buôn tối đa (đã bao gồm VAT)	Giá đăng ký bán buôn (đã bao gồm VAT)
1	Enfamil A+ 1	400g	Hộp thiếc	187.000	187.000
2	Enfamil A+ 1	900g	Hộp thiếc	381.000	381.000
3	Enfamil A+ 2	900g	Hộp thiếc	363.000	363.000
4	Enfagrow A+ 3	900g	Hộp thiếc	309.000	309.000
5	Enfagrow A+ 3	1800g	Hộp thiếc	563.000	563.000
6	Enfalac Premature Formula	400g	Hộp thiếc	188.300	188.265
7	Enfalac Lactose Free	400g	Hộp thiếc	169.800	169.741
8	Enfalac A+ Gentle Care	352g	Hộp thiếc	217.000	216.964
9	Pregestimil	400g	Hộp thiếc	229.900	229.790
10	Nutramigen	400g	Hộp thiếc	257.500	257.323
11	Enfamil A + 2	400g	Hộp thiếc	191.200	191.125
12	Enfagrow A+ 3	400g	Hộp thiếc	171.500	171.424
13	Enfagrow A+ 3	650g	Hộp giấy	230.700	230.681
14	Enfagrow A+ 4	400g	Hộp thiếc	145.500	145.497
15	Enfagrow A+ 4	650g	Hộp giấy	196.700	196.647
16	Enfagrow A+ 4	900g	Hộp thiếc	295.000	294.921
17	Enfamil A + 1 360° Brain Plus	400g	Hộp thiếc	225.600	225.599
18	Enfamil A + 1 360° Brain Plus	900g	Hộp thiếc	468.000	467.951
19	Enfamil A + 2 360° Brain Plus	400g	Hộp thiếc	216.400	216.337
20	Enfamil A + 2 360° Brain Plus	900g	Hộp thiếc	445.400	445.324
21	Enfagrow A+ 3 360° Brain Plus	400g	Hộp thiếc	194.300	194.238
22	Enfagrow A+ 3 360° Brain Plus	650g	Hộp giấy	261.500	261.415
23	Enfagrow A+ 3 360° Brain Plus	900g	Hộp thiếc	394.100	394.086
24	Enfagrow A+ 3 360° Brain Plus	1800g	Hộp thiếc	718.900	699.435
25	Enfagrow A+ 4 360° Brain Plus	400g	Hộp thiếc	164.900	164.835
26	Enfagrow A+ 4 360° Brain Plus	650g	Hộp giấy	222.800	222.750
27	Enfagrow A+ 4 360° Brain Plus	900g	Hộp thiếc	334.300	334.213
28	Enfagrow A+ 4 360° Brain Plus	1800g	Hộp thiếc	609.400	609.356
29	Enfamil A+ Lactosefree 360°	400g	Hộp thiếc	212.300	212.146
30	Enfamil A+ Gentle Care 360°	400g	Hộp thiếc	248.500	248.325
31	Enfagrow A+ 3 360° Brain Plus	180 ml	Hộp giấy	15.470	15.466
32	Enfagrow A+ 3 360° Brain Plus	180 ml	Hộp giấy	15.470	15.466
33	Enfagrow A+ 4 360° Brain Plus	180 ml	Hộp giấy	15.470	15.466
34	Enfagrow A+ 4 360° Brain Plus	180 ml	Hộp giấy	15.470	15.466

**BẢNG GIÁ BÁN BUÔN TỐI ĐA VÀ GIÁ ĐĂNG KÝ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM SỮA DÀNH CHO TRẺ
EM DƯỚI 06 TUỔI CỦA CÔNG TY TNHH FRIESLANDCAMPINA VIỆT NAM**

(Kèm theo Thông báo số 395/TB-BTC ngày 10/6/2014 của Bộ Tài chính về giá bán buôn tối đa và giá đăng ký)

DVT: đồng/hộp

STT	Tên sản phẩm sữa	Trọng lượng	Đơn vị tính	Giá bán buôn tối đa (đã bao gồm VAT)	Giá đăng ký bán buôn (đã bao gồm VAT)
1	FRISOLAC GOLD 1	400g	Hộp thiếc	196.000	196.000
2	FRISOLAC GOLD 1	900g	Hộp thiếc	406.000	406.000
3	FRISOLAC GOLD 2	900g	Hộp thiếc	400.000	400.000
4	FRISO GOLD 3	900g	Hộp thiếc	365.000	365.000
5	FRISO GOLD 3	1500g	Hộp thiếc	550.000	550.000
6	Dutch Baby GOLD STEP1	400g	Hộp thiếc	134.800	134.800
7	Dutch Baby GOLD STEP1	900g	Hộp thiếc	265.400	265.400
8	Dutch Baby GOLD STEP2	400g	Hộp thiếc	134.800	134.800
9	Dutch Baby GOLD STEP2	900g	Hộp thiếc	265.400	265.400
10	Dutch Lady 123 GOLD	900g	Hộp thiếc	229.800	229.800
11	Dutch Lady 123 GOLD VANILLA	1500g	Hộp thiếc	348.000	348.000
12	Dutch Lady 456 GOLD	900g	Hộp thiếc	215.300	215.300
13	Dutch Lady 456 GOLD	1500g	Hộp thiếc	372.800	372.800
14	FRISOLAC GOLD 2	400g	Hộp thiếc	210.300	210.300
15	FRISO GOLD 3	400g	Hộp thiếc	193.200	193.200
16	FRISO GOLD 4	900g	Hộp thiếc	341.800	341.800
17	Dutch Lady 123 GOLD BIB	1600g	Hộp giấy	355.300	355.300
18	Dutch Lady 123 GOLD BIB	2000g	Hộp giấy	444.000	444.000
19	Dutch Lady Complete	400g	Hộp thiếc	113.200	113.200
20	Dutch Lady Complete	900g	Hộp thiếc	226.500	226.500
21	FRISOLAC 2	900g	Hộp thiếc	278.300	278.300
22	FRISO 3	1500g	Hộp thiếc	380.800	380.800
23	FRISO 3	900g	Hộp thiếc	254.500	254.500
24	FRISO 4	900g	Hộp thiếc	235.500	235.500
25	FRISOLAC 1	900g	Hộp thiếc	280.600	280.600
26	FRISO GOLD 4	1500g	Hộp thiếc	584.100	584.100
27	Dutch Baby MAU LỚN BIB	400g	Hộp giấy	88.900	88.900
28	Dutch Baby MAU LỚN	400g	Hộp thiếc	110.600	110.600
29	Dutch Baby MAU LỚN	900g	Hộp thiếc	221.300	221.300
30	Dutch Lady TẬP ĐI BIB	400g	Hộp giấy	86.200	86.200
31	Dutch Lady TẬP ĐI	900g	Hộp thiếc	216.000	216.000
32	Dutch Lady KHÁM PHÁ	1500g	Hộp thiếc	286.600	286.600
33	Dutch Lady TÒ MÒ BIB	400g	Hộp giấy	75.800	75.800
34	Dutch Lady TÒ MÒ	900g	Hộp thiếc	189.900	189.900
35	Dutch Lady TÒ MÒ	1500g	Hộp thiếc	294.400	294.400
36	Dutch Lady KHÁM PHÁ BIB	400g	Hộp giấy	74.000	74.000
37	Dutch Lady KHÁM PHÁ	900g	Hộp thiếc	184.700	184.700
38	Dutch Lady KHÁM PHÁ	2000g	Hộp giấy	351.100	351.100
39	Dutch Lady SÁNG TẠO	1500g	Hộp thiếc	280.500	280.500
40	Dutch Lady SÁNG TẠO BIB	400g	Hộp giấy	72.300	72.300
41	Dutch Lady SÁNG TẠO	900g	Hộp thiếc	181.200	181.200
42	Dutch Lady SÁNG TẠO	2000g	Hộp giấy	344.100	344.100
43	FRISO GOLD PEDIA VANILLA	400g	Hộp thiếc	226.500	226.500
44	FRISO GOLD PEDIA VANILLA	900g	Hộp thiếc	472.100	472.100
45	FRISOLAC COMFORT	400g	Hộp thiếc	143.300	143.300
46	FRISOLAC PREMATURE	400g	Hộp thiếc	154.200	154.200
47	FRISOSOY	400g	Hộp thiếc	154.200	154.200